

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HÀ ĐÔNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/KDTM- ST

Ngày: 23/4/2021.

V/v: Tranh chấp hợp đồng kinh tế

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Trời – Ông Nguyễn Cao Biên

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông.

Đại diện VKSND quận Hà Đông tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thùy Ninh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 35/2020/TLST-KDTM ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc: “***Tranh chấp hợp đồng kinh tế***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXX – KDTM, ngày 12 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST-KDTM ngày 02/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần C. Địa chỉ trụ sở: B12A-12B, Vinhomes Gardenia, đường Hàm Nghi, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Việt Ch – Giám đốc.

Người nhận ủy quyền cho Công ty cổ phần C là Công ty Luật TNHH MW. Địa chỉ: Tổ 4, phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Đại diện là ông Lê Văn H – Phó Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị Ngọc L – Nhân viên Công ty Luật TNHH MW theo giấy ủy quyền ngày 12/3/2020.

Bị đơn: Công ty TNHH V. Địa chỉ: Số 16, ngõ 10, phố Xóm, tổ 7, phường Phú Lãm, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Hữu Ch – Giám đốc. Trú tại: Số 4, ngõ 281, ngách 82, phố Trương Định, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Chị Nguyễn Thị Ngọc L có mặt; Ông Nguyễn Hữu Ch vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện nộp tại Tòa án; quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa; Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn – chị Linh trình bày:

Công ty Cổ phần C có ký kết với Công ty TNHH V Hợp đồng quảng cáo số 19006/HĐQC/CASPER-GOTIME/TAXI để Gotime cung cấp dịch vụ quảng cáo trên phương tiện giao thông vào ngày 10/01/2019. Tổng giá trị Hợp đồng (đã bao gồm 10% thuế VAT) là 3.048.000.000 VNĐ (*ba tỷ không trăm bốn mươi tám triệu đồng*). Hợp đồng thanh toán thành 05 đợt. Các đợt thanh toán được tiến hành lần lượt như sau:

Đợt 1: Ngày 14/02/2019 C thanh toán cho V số tiền **304.800.000 VNĐ** (*ba trăm linh bốn triệu tám trăm nghìn đồng*);

Đợt 2: Ngày 12/03/2019 C thanh toán cho V số tiền là **609.600.000 VNĐ** (*sáu trăm linh chín triệu sáu trăm nghìn đồng*);

Đợt 3: Thanh toán 30% giá trị Hợp đồng tương đương với số tiền là **914.400.000** (*chín trăm mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*);

Đợt 4: Thanh toán 20% giá trị Hợp đồng tương đương với số tiền **609.600.000 VNĐ** (*sáu trăm linh chín triệu sáu trăm nghìn đồng*);

Đợt 5: Thanh toán 20% giá trị Hợp đồng tương đương với số tiền **609.600.000 VNĐ** (*sáu trăm linh chín triệu sáu trăm nghìn đồng*);

C đã thanh toán cho V được hai đợt: đợt 1 là 304.800.000 đồng, đợt 2 là 609.600.000 đồng. Sau khi nhận thanh toán hai đợt, ngày 14/03/2019, V gửi công văn hủy hợp đồng đã ký kết với lý do: “Do một số nguyên nhân khách quan dẫn đến việc chúng tôi không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng với C nữa, nên chúng tôi thống nhất quyết định chấm dứt việc chạy quảng cáo trên hệ thống xe taxi đối với C”. Theo đó, V có xác nhận số công nợ giữa các bên sau hai đợt chuyển tiền là: **914.400.000 VNĐ** (*chín trăm mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*) và cam kết sẽ tiến hành hoàn trả lại số tiền nêu trên cho C. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, V mới chỉ hoàn trả số tiền **609.600.000 VNĐ** (*sáu trăm linh chín triệu sáu trăm nghìn đồng*). Còn lại số tiền **304.800.000 VNĐ** (*ba trăm linh bốn triệu tám trăm nghìn đồng*), đại diện phía C đã nhiều lần yêu cầu nhưng V không có động thái hoàn trả và có dấu hiệu của việc cố tình chiếm đoạt phần tài sản đã được thanh toán.

Công ty C đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội đề nghị Tòa án nhân buộc:

Buộc V thực hiện nghĩa vụ thanh toán công nợ cho C số tiền **304.800.000 VNĐ** (*ba trăm linh bốn triệu tám trăm nghìn đồng*);

Buộc V phải thanh toán tiền lãi xuất phát sinh kể từ ngày 14/03/2019 đến ngày 05/05/2020 số tiền **53.340.000 VNĐ** (*Năm mươi ba triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng*) và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ;

Trong trường hợp V không có tiền mặt để thực hiện nghĩa vụ thanh toán công nợ, C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án để tiến hành kê biên, phát mại tài sản thuộc quyền sử dụng của V để thu hồi toàn bộ số công nợ phải thanh toán.

2. Phần trình bày của bị đơn: Công ty TNHH V đã được Tòa án tổng đạt các văn bản đầy đủ. Tuy nhiên, Công ty TNHH V đã không đến Tòa án làm việc, trình bày quan điểm của mình về vụ án. Do vậy, Tòa án không thể ghi được ý kiến của Bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát quận Hà Đông thể hiện quan điểm:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã được Tòa án yêu cầu tham gia đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của họ;

Tuy nhiên: Bị đơn là Công ty TNHH V vắng mặt không tham gia tố tụng là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa lần thứ 02 Bị đơn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn. Cụ thể:

- Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 304.800.000đồng và lãi phát sinh theo quy định của Ngân hàng nhà nước quy định từ thời điểm Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng:

1.1. Bị đơn là Công ty TNHH V; Công ty Cổ phần C khởi kiện, Tòa án nhân dân quận Hà Đông thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Bị đơn Công ty TNHH V đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng. Sau khi hoãn phiên tòa lần 01, Tòa án đã tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn nhưng tại phiên tòa lần 02 họ vẫn cố tình vắng mặt không tham gia tố tụng là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi nghe ý kiến đề nghị của đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn; Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về nội dung.

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 10/01/2019, Công ty Cổ phần C và Công ty TNHH V cùng ký hợp đồng quảng cáo số 19006/HĐQC/CASPER-GOTIME/TAXI, theo hợp đồng này Công ty TNHH V cung cấp dịch vụ quảng cáo trên phương tiện giao thông với tổng giá trị của hợp đồng (đã bao gồm 10% thuế VAT) là 3.048.000.000 đồng. Việc ký kết hợp đồng quảng cáo trên được ký trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận phù hợp ngành nghề đăng ký kinh doanh của cả hai bên nên có giá trị thực hiện.

Tại điều 5 của hợp đồng: Phương thức thanh toán như sau:

Đợt 1: Ngày 14/02/2019 C thanh toán cho V số tiền **304.800.000 VNĐ**(*ba trăm linh bốn triệu tám trăm nghìn đồng*);

Đợt 2: Ngày 12/03/2019 C thanh toán cho Gotime số tiền là **609.600.000 VNĐ**(*sáu trăm linh chín triệu sáu trăm nghìn đồng*);

Đợt 3: Thanh toán 30% giá trị Hợp đồng tương đương với số tiền là **914.400.000** (*chín trăm mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*);

Đợt 4: Thanh toán 20% giá trị Hợp đồng tương đương với số tiền **609.600.000 VNĐ**(*sáu trăm linh chín triệu sáu trăm nghìn đồng*);

Đợt 5: Thanh toán 20% giá trị Hợp đồng tương đương với số tiền **609.600.000 VNĐ**(*sáu trăm linh chín triệu sáu trăm nghìn đồng*);

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty C đã thanh toán cho Công ty TNHH V được hai đợt: đợt 1 là 304.800.000 đồng, đợt 2 là 609.600.000 đồng. Sau khi nhận thanh toán hai đợt, ngày 14/03/2019, Công ty TNHH quảng cáo truyền thông thời gian vàng gửi công văn hủy hợp đồng đã ký kết với lý do: “Do một số nguyên nhân khách quan dẫn đến việc chúng tôi không thể tiếp tục thực hiện Hợp đồng với Công ty Cổ phần C nữa, nên chúng tôi thống nhất quyết định chấm dứt việc chạy quảng cáo trên hệ thống xe taxi đối với Công ty C”. Theo đó, Công ty TNHH V có xác nhận số công nợ giữa các bên sau hai đợt chuyển tiền là: **914.400.000 VNĐ** (*chín trăm mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*) và cam kết sẽ tiến hành hoàn trả lại số tiền nêu trên cho Công ty Cổ phần C. Ngày 20/3/2019, Công ty TNHH V đã trả cho Công ty Cổ phần C số tiền **609.600.000 VNĐ**(*sáu trăm linh chín triệu sáu trăm nghìn đồng*). Số tiền còn lại là **304.800.000 VNĐ**(*ba trăm linh bốn triệu tám trăm nghìn đồng*), Công ty TNHH V chưa thanh toán cho Công ty Cổ phần C là vi phạm thỏa thuận, gây thiệt hại cho Công ty.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc Công ty TNHH V phải thanh toán trả số tiền gốc là 304.800.000 đồng. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi của Nguyên đơn.

2.2. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Điều 6 của hợp đồng: Thời gian hoàn thành và nghiệm thu như sau:

Thời gian bên B hoàn thiện thi công trong vòng 15 ngày trước thời gian chạy chính thức mà bên A yêu cầu, bên B nhận được thanh toán đợt 1 của bên A. Bên B đảm bảo 100% số lượng xe và gửi kèm danh sách xe cùng công tơ mét và biển số xe cùng biên bản nghiệm thu.....Sau khi hoàn thành xong 100% số lượng, bên B sẽ gửi hồ sơ nghiệm thu gồm biên bản nghiệm thu, danh sách xe kèm số chỉ công tơ mét và ảnh chụp nghiệm thu cho bên A..... Quy trình thực hiện hợp đồng: sau khi hai bên thực hiện ký kết hợp đồng, bên A thực hiện đúng điều khoản thanh toán và chuyển thiết kế mẫu quảng cáo cho bên B trong vòng 05 ngày sau khi ký hợp đồng.....

Tại khoản 7.15 Điều 7 của Hợp đồng : Trách nhiệm của mỗi bên như sau: Trong trường hợp bên B đơn phương hủy bỏ hợp đồng thì bên B sẽ phải hoàn lại cho bên A số tiền cho phần hợp đồng chưa thực hiện và chịu một mức phạt 8% tổng giá trị hợp đồng.....

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH V đã đơn phương chấm dứt hợp đồng quảng cáo với Công ty C sau khi nhận được 02 lần thanh toán tiền là 914.400.000 đồng. Sau đó ngày 20/3/2019 Bị đơn đã chuyển trả Nguyên đơn số tiền 609.600.000 đồng. Hiện nay Bị đơn còn chưa thanh toán trả nguyên đơn số tiền còn lại là 304.800.000 đồng.

Tại phiên tòa đại diện của Nguyên đơn đề nghị tính lãi suất phát sinh kể từ ngày từ ngày 14/3/2019 đến ngày 05/5/2020 là 13 tháng: $13 \text{ tháng} * 10\%/\text{năm} * 304.800.000 \text{ đồng} = 53.340.000 \text{ đồng}$ và lãi suất phát sinh từ ngày 06/5/2020 cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ.

Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại về tiền lãi do chậm thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả. Tại quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định lãi suất nợ quá hạn được xác định bằng 150% lãi suất nợ trong hạn.

Trong hợp đồng kinh tế hai bên đã ký kết, không quy định mức lãi suất chính vì vậy, Hội đồng xét xử lấy mốc thời gian để tính lãi là ngày hai bên chấm dứt hợp đồng là ngày 14/3/2019 và mức lãi suất trung bình một năm của ba Ngân hàng gồm: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tại thời điểm xét xử, cụ thể lần lượt như sau: 7,0%-10,5%; 7,5%-11%; 8,5%-10%.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi tình từ ngày 14/3/2019 và mức lãi suất là 10%/năm là phù hợp vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

$304.800.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ năm}, 01 \text{ tháng}, 09 \text{ ngày} \times 10\%/năm = 64.262.000 \text{ đồng}.$

Tổng số tiền gốc và lãi Công ty TNHH V phải trả Công ty C tạm tính đến ngày 23/4/2021 là:

$304.800.000 \text{ đồng} + 64.262.000 \text{ đồng} = 369.062.000 \text{ đồng}.$

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 thì: Nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn trả án phí đã nộp, Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên tổng số tiền phải thanh toán trả nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 227, khoản 1 và khoản 2 Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty C đối với Công ty TNHH V.

2/ Buộc Công ty TNHH V phải có trách nhiệm thanh toán trả Công ty C, cụ thể: Số tiền gốc là 304.800.000 đồng và số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 64.262.000 đồng. Tổng cộng là 369.062.000 đồng.

Kể từ ngày 24/4/2021, Công ty TNHH V phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về án phí: Công ty TNHH V phải chịu 18.453.100 đồng (làm tròn **18.453.000** đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại Công ty C 8.954.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0009167 ngày 26 tháng 6 năm 2020.

Án xử công khai sơ thẩm. Báo:

- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án sơ thẩm hoặc bản án sơ thẩm được niêm yết hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- Chi Cục THA dân sự quận Hà Đông;
- Lưu VP/HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- Chi Cục THA dân sự quận Hà Đông;
- Lưu VP/HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hồng Vân

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- Chi Cục THA dân sự quận Hà Đông;
- Lưu VP/HSV.A.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hồng Vân